TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 23/8/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Để

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2024/TLST- DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là "A")**

Địa chỉ trụ sở: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 N, phường V, Quận C1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Việt N** (UQ số 17/2023/UQ-A ngày 19/9/2023)

Chức vụ: Phó Bộ phận Quản lý Công nợ

Đại diện ủy quyền của bà N là ông **Nguyễn Đăng T1**, sinh năm 1986 (có

mặt)

Địa chỉ liên lạc: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 N, phường V, Quận C1, Thành phố H

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhất K**, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T2, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là "A") trình bày:*

Nguyên vào ngày 21/05/2023, anh Nguyễn Nhất K ký Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 với A vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay: 29.800.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn) đồng. Lãi suất: 52,2000%/năm. Thời hạn vay: 20 tháng. Thực hiện hợp đồng A đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và anh K đã nhận tài sản.

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì anh K có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 20 tháng, mỗi tháng anh K phải thanh toán cho A số tiền là 2.261.229 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 22/06/2023.

Từ ngày 10/06/2023 đến ngày 12/11/2023, anh K thanh toán cho A được số tiền là 13.639.374 đồng. Trong đó, tiền gốc: 6.433.649 đồng; Lãi trong hạn: 7.133.725 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí: 72.000 đồng.

Tuy nhiên, từ sau ngày 12/11/2023 đến nay, anh K không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẫn tránh.

Việc anh K không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3; Điều 8 Hợp đồng số 917300004169294000 ngày 21/05/2023 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của A.

Căn cứ Điều 3; Điều 7; Điều 8; Điều 11 Hợp đồng số 917300004169294000 ngày 21/05/2023. Vì vậy A yêu cầu:

- Anh K phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, số tiền tính đến hết ngày 02/07/2024 là 32.565.404 đồng.

- Anh K tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, các loại phí từ sau ngày 02/07/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 ký ngày 21/05/2023.

** Bị đơn anh Nguyễn Nhất K vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn A xác định vẫn giữ yêu cầu anh Nguyễn Nhất K phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, số tiền tính đến hết ngày 23/08/2024 là 35.384.955 đồng, trong đó: Nợ gốc 23.366.351 đồng; Lãi 9.189.698 đồng; Lãi quá hạn: 2.708.906 đồng; Phí quản lý khoản vay: 120.000 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 23/08/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 ký ngày 21/05/2023.

- Bị đơn anh Nguyễn Nhất K: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Nhất K phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 35.384.955 đồng, trong đó: Nợ gốc 23.366.351 đồng; Lãi 9.189.698 đồng; Lãi quá hạn: 2.708.906 đồng; Phí quản lý khoản vay: 120.000 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 23/08/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 ký ngày 21/05/2023.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thẩm quyền: A có đơn khởi kiện tranh chấp đối với anh Nguyễn Nhất K về yêu cầu trả số nợ còn thiếu trong hợp đồng vay tài sản. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, anh Nguyễn Nhất K cung cấp địa chỉ cư trú tại Ấp T2, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Nhất K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của A thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn thể hiện vào ngày 21/05/2023, anh Nguyễn Nhất K ký Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 với A vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay: 29.800.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn) đồng. Lãi suất: 52,2000%/năm. Thời hạn vay: 20 tháng. Thực hiện hợp đồng A đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và anh K đã nhận tài sản. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì anh K có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 20 tháng, mỗi tháng anh K phải thanh toán cho A số tiền là 2.261.229 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 22/06/2023. Từ ngày 10/06/2023 đến ngày 12/11/2023, anh K thanh toán cho A được số tiền là 13.639.374 đồng. Trong đó, tiền gốc: 6.433.649 đồng; Lãi trong hạn: 7.133.725 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Phí: 72.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 12/11/2023 đến nay, anh K không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A đã vi phạm Điều 3; Điều 8 Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 ngày 21/05/2023. A đã nhiều lần yêu cầu anh K trả nợ nhưng anh K lẫn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Nhất K có vay và còn nợ A tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là

35.384.955 đồng, trong đó: Nợ gốc 23.366.351 đồng; Lãi 9.189.698 đồng; Lãi quá hạn: 2.708.906 đồng; Phí quản lý khoản vay: 120.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của A là có căn cứ theo quy định tại các Điều 274, 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên anh K phải có nghĩa vụ thanh toán cho A số nợ vay còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 ngày 21/05/2023, tổng số tiền tính đến hết ngày 23/8/2024 là 35.384.955 đồng, trong đó: Nợ gốc 23.366.351 đồng; Lãi 9.189.698 đồng; Lãi quá hạn: 2.708.906 đồng; Phí quản lý khoản vay: 120.000 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 23/08/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 ký ngày 21/05/2023.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên anh K phải chịu 1.769.247 đồng (làm tròn là 1.769.300 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 288, 463 và 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Nguyễn Nhất K trả cho Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là "A") số nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 ký ngày 21/05/2023, tổng số tiền tính đến hết

ngày 23/8/2024 là 35.384.955 đồng, trong đó: Nợ gốc 23.366.351 đồng; Lãi 9.189.698 đồng; Lãi quá hạn: 2.708.906 đồng; Phí quản lý khoản vay: 120.000 đồng. Và tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 23/08/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 917300004169294000 ký ngày 21/05/2023.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Nhất K phải chịu 1.769.300 đồng.

- Hoàn trả cho Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Quốc Tế Việt Nam A (gọi tắt là "A") số tiền 692.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004913 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Nhất K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU